

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi” là phần **màu đỏ**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do sửa đổi
QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG	
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: <u>106 /NQ-DHĐCD ngày 08 tháng 06 năm 2020</u> của Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên năm 2020</u> của	(Ban hành kèm theo Nghị quyết số <u>...../NQ/DHĐCD ngày 26 tháng 04 năm 2021</u> của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su	- Cập nhật thời gian sửa đổi điều lệ

Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng)	Sao Vàng)	
<p>1. Căn cứ pháp lý:</p> <p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/06/2006;</p> <p>- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 06 năm 2017 về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</p> <p>- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</p> <p>- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.</p>	<p style="text-align: center;">CĂN CỨ</p> <p>- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.</p> <p>- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.</p> <p>- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng.</p>	<p>- Thay đổi vị trí: Chuyển quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quy chế hiện hành thành mục “CĂN CỨ” riêng tại Quy chế sửa đổi</p> <p>- Cập nhật văn bản pháp luật</p>
<p>CHƯƠNG 1-QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>- Thay đổi cách ghi tiêu đề chương</p>
<p>Điều 1. Căn cứ pháp lý và phạm vi điều chỉnh</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	<p>- Thay đổi tiêu đề phù hợp với nội dung quy định chi tiết</p>

<p><u>2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để đảm bảo cơ cấu quản trị minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty; Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; Cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.</u></p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p>	<p>- Sửa theo Điều 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, điều chỉnh nội dung phù hợp</p>
<p>3. Đối tượng áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông; - Thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Ban Kiểm soát; - Ban điều hành gồm: <u>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</u> - <u>Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);</u> - <u>Cán bộ quản lý khác của Công ty</u> 	<p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho công ty; cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông; các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp của công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này; tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty.</p>	<p>- Bổ sung đối tượng áp dụng</p>
<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p><u>1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</u></p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p>	<p>- Cập nhật các thuật ngữ theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán</p>

2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty: là Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

4. HĐQT: là Hội đồng quản trị

5. Ứng cử: là tư đề cử

6. BKS: là Ban kiểm soát

7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;

- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;

- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;

- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;

- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;

- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d. "Công ty" là Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng;

e. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất

một cổ phần của công ty cổ phần;

f. “Đại biểu” là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;

i. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

j. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

k. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là “thành viên không điều hành”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác

	<p>theo quy định của Điều lệ Công ty;</p> <p>l. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là “thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</p> <p>m. “Kiểm soát viên” là thành viên Ban kiểm soát</p> <p>n. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p> <p>o. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>p. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>q. “Ban điều hành” gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	
	<p>2. Chữ viết tắt</p> <p>a. “HDQT” là Hội đồng quản trị</p>	<p>- Gộp chung các quy định về chữ viết tắt thành một điều khoản riêng</p>

	b. “BKS” là Ban kiểm soát	
Không có	3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.	- Bổ sung để đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Pháp luật khi các văn bản Luật liên quan có sự thay đổi mà chưa kịp sửa đổi Quy chế này.
<u>CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	- Thay đổi tiêu đề chương và cách ghi tiêu đề chương
<u>I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG</u>	Bỏ	- Bỏ tiêu đề này
Không có	Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	- Bổ sung tiêu đề mục
Không có	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	- Bổ sung theo hướng dẫn tại theo khoản 1 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.	- Bổ sung theo Khoản 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
Không có	2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ công ty.	- Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.
	3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được	- Bổ sung theo Điều 272 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

	<p>thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.</p>	
Không có	Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	- Bổ sung theo Khoản 3 Điều 144 luật Doanh nghiệp
Không có	<p>Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p>	- Bổ sung theo Khoản 3 Điều 144 luật Doanh nghiệp
<u>Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u>	Mục 2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết	- Thay đổi tiêu đề mục phù hợp với nội dung quy định chi tiết

	trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
<u>Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u>	Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	- Thay đổi tiêu đề phù hợp với nội dung quy định chi tiết
<p><u>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p> <p><u>2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:</u></p> <p><u>a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải</u></p>	<p>1. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Sửa Khoản 1 Điều 5 Quy chế sửa đổi dẫn chiếu đến quy định tại Điều lệ thay thế cho quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Quy chế hiện hành do quy định tại Điều lệ (đảm bảo gồm nội dung về thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ) đầy đủ và bao quát hơn</p> <p>- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ.</p>

thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136

Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

- Cập nhật STT

<p>1. Chủ tọa:</p> <p>a. Chủ tịch HDQT làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HDQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HDQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khẩn để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khẩn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><u>c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</u></p> <p><u>d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của</u></p>	<p>1. Chủ tọa:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội theo quy</p>	<p>- Sửa điểm a, b, c Khoản 1 Điều 4 Điều lệ hiện hành (tương ứng điểm a, b, c Khoản 1 Điều 6 Điều lệ sửa đổi) theo điểm a, b Khoản 2 và Khoản 4 Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Cập nhật dẫn chiếu Luật tại điểm d Khoản 1 Điều 4 Điều lệ hiện hành (tương ứng điểm d Khoản 1 Điều 6 Điều lệ sửa đổi). Bộ quy định về việc phải có “sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết” do không có quy định bắt buộc trong Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
---	--	--

<p><u>Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>e. Nhiệm vụ của Chủ tọa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình; - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết; - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu; - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội. 	<p><u>định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>e. Nhiệm vụ của Chủ tọa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình; - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết; - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu; - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội. 	
<p>2. Thư ký đại hội:</p> <p>a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội; - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu; - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến 	<p>2. Thư ký đại hội:</p> <p>a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p> <p>b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội; - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu; - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến 	<p>Không thay đổi</p>

<p>các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.</p>	<p>các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.</p>	
<p>3. Ban kiểm phiếu:</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết. - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết; - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký; - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết. 	<p>3. Ban kiểm phiếu:</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết/ bầu cử. - Kiểm và ghi nhận kết quả biểu quyết/ bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết/ bầu cử. - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết/ bầu cử cho thư ký; - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết/ bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết/ bầu cử. 	<p>- Bổ sung phạm vi liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu trong hoạt động bầu cử.</p>
<p>4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:</p> <p>a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.</p> <p>b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:</p>	<p>4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:</p> <p>a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm ba (03) người, bao gồm một (01) Trưởng Ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thống nhất cách ghi số người, ngày tháng - Sử dụng thống nhất thuật ngữ “người đại diện theo ủy quyền của cổ đông”

<p>- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, <u>đại diện cổ đông đến dự họp.</u></p> <p>- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình <u>cổ đông</u> dự họp. <u>Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.</u></p>	<p>b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:</p> <p>- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp.</p> <p>- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình đại biểu dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>- Sửa lại nội dung về điều kiện tiến hành cuộc họp theo Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp.</p>
<p><u>Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Điều 13 và khoản 5 Điều 23 Quy chế sửa đổi</p>
<p><u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p><u>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít</u></p>	<p>Bỏ</p>	

<p><u>nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p><u>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</u></p> <p><u>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</u></p>		
<p><u>Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</u></p>	Bỏ	- Bỏ tiêu đề này
Không có	Điều 7. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	- Bổ sung phù hợp với hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Không có	<p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).</p>	- Bổ sung phù hợp với khoản 5 Điều 140 và Điều 141 Luật Doanh nghiệp
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 8. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	- Cập nhật STT
HDQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HDQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghi quyết HDQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi	Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Công ty phải công bố thông tin về việc	- Sửa theo khoản 1 Điều 273 Dự thảo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”

(20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 9. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
<u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế sửa đổi
<u>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</u> <u>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;</u> <u>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</u> <u>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</u> <u>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</u> <u>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</u> <u>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy chế sửa đổi

<p><u>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</u></p> <p><u>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận (Công ty phải gửi tài liệu cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu), bao gồm:</u></p> <p><u>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</u></p> <p><u>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng</u></p>	<p>Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.</p> <p>- Bổ sung quy định theo điểm a Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
---	--	--

<p><u>viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;</u></p> <p><u>c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;</u></p> <p><u>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u></p> <p><u>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p>		
<p><u>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là</u></p>	<p>Điều 10. Chương trình, nội dung Đại hội</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung tiêu đề - Gộp quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 7 Quy chế hiện hành thành Điều 10 Quy chế sửa đổi, bảo đảm các nội dung theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty - Bổ sung theo Khoản 1 Điều 142 Luật Doanh nghiệp

<p><u>tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u></p> <p><u>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</u></p> <p><u>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	<p>2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ thay thế cho quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 7 Quy chế hiện hành. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 11. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Không có</p>	<p>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.</p>	<p>- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã</p>

	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.	quy định tại Điều lệ. - Quy định này thay thế cho quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy chế hiện hành
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	Điều 12. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	- Cập nhật STT
1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, <u>bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.</u>	1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.	- Bổ sung các hình thức đăng ký tham dự họp
<u>b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:</u> <u>- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự biểu quyết tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại</u>	b. Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông lựa chọn hình thức tham dự họp theo hướng dẫn trong Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.	- Sửa đổi, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế sửa đổi.

<p><u>Khoản 2 Điều này;</u></p> <p><u>- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p><u>- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</u></p> <p><u>- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;</u></p> <p><u>- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u></p>		
<p><u>2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội</u></p> <p><u>a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, có thể uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.</u></p> <p><u>b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Điều 11 và khoản 4 Điều 23 Quy chế sửa đổi</p>

mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; Những tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện.

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người

<p><u>đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);</u></p> <p><u>d. Trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p><u>- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;</u></p> <p><u>- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</u></p> <p><u>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</u></p>		
<p>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến</p>	<p>2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người</p>	<p>- Bổ sung điểm a Khoản 2 Điều 12 Quy chế sửa đổi về các tài liệu dùng để xác nhận tư cách đại biểu.</p> <p>- Sửa điểm b Khoản 3 Điều 8 Quy chế</p>

<p>hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;</p> <p>b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/<u>phiếu biểu quyết</u>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc <u>đến dự Đại hội đồng cổ đông muôn</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muôn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực hợp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Đại biểu.</p> <p>b. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>c. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/ bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.</p> <p>d. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muôn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>hiện hành (tương ứng điểm c Khoản 2 Điều 12 Quy chế sửa đổi) phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ sửa đổi</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 13. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Thay thế cho quy định tại Điều 5 Quy chế hiện hành</p>

Không có	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.	- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.
<u>Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy chế sửa đổi
<u>1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:</u> <u>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</u> <u>b. Báo cáo của HĐQT;</u> <u>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</u> <u>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</u> <u>e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>f. Số lượng thành viên HĐQT;</u> <u>g. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</u> <u>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;</u> <u>i. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT</u>	Bỏ	

và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;

i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

o. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;

p. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi

<p><u>trong báo cáo tài chính gần nhất</u></p> <p><u>r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</u></p> <p><u>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</u></p>		
<p><u>Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội</u></p>	<p>Điều 14. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội</p>	<p>- Gộp chung quy định tại Điều 10 và Điều 11 tại Quy chế hiện hành thành Điều 14 tại Quy chế sửa đổi</p>
<p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>a. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của</p>	<p>1. Nguyên tắc chung:</p> <p>a. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được</p>	<p>- Gộp chung các quy định tại Khoản 1 Điều 10 và Khoản 1 Điều 11 tại Quy chế hiện hành</p> <p>- Bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 14 Quy chế sửa đổi dẫn chiếu đến quy</p>

<p>Chủ tọa.</p> <p><u>b. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được thảo luận và biểu quyết công khai tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>c. <u>Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử</u> được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). <u>Trên Thẻ biểu quyết Phiếu bầu cử có</u> ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.</p>	<p>đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Thẻ biểu quyết và/ hoặc các Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông), trên đó có ghi rõ số đăng ký mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.</p> <p>d. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của</p>	<p>định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>- Sửa điểm b khoản 1 Điều 10 Quy chế hiện hành (tương ứng điểm b Khoản 1 Điều 14 Quy chế sửa đổi) theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Sửa điểm c khoản 1 Điều 10 Quy chế hiện hành (tương ứng điểm c Khoản 1 Điều 14 Quy chế sửa đổi) để bao quát đầy đủ các trường hợp. Bổ sung nội dung theo điểm a khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>- Bổ sung điểm d Khoản 1 Điều 14 Quy chế sửa đổi theo Khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp đồng thời bổ sung các hình thức biểu quyết.</p>
---	---	---

	<p>Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	
<p>2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết</p> <p><u>a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.</u></p> <p>Trên Thẻ biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.</p> <p>b. Thẻ biểu quyết không hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi thêm nội dung khác vào Thẻ biểu quyết; - Thẻ biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Thẻ biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ. 	<p>2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết</p> <p>a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát.</p> <p>b. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.</p> <p>Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.</p> <p>c. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết; - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không 	<ul style="list-style-type: none"> - Tách riêng quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. - Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> + Thẻ biểu quyết dùng trong trường hợp việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết + Phiếu biểu quyết dùng trong trường hợp việc biểu quyết được tiến hành bằng cách bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu

	hợp lệ.	
<u>Điều 11. Cách thức biểu quyết</u>	Bỏ	- Bỏ tiêu đề này. Gộp chung quy định tại Điều 10 và Điều 11 tại Quy chế hiện hành thành Điều 14 tại Quy chế sửa đổi
<u>1. Nguyên tắc chung</u> <u>- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.</u> <u>- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều 14 Quy chế sửa đổi
2. Các hình thức biểu quyết a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một	3. Các hình thức biểu quyết a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một	- Sửa lại để phù hợp với việc triển khai biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Đồng thời bỏ nội dung liên quan đến cách thức kiểm phiếu khi thực hiện biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết tại điểm a Khoản này do trùng lặp phạm vi tại Khoản 1

<p>vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. <u>Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cử đồng Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.</u></p> <p>b. Biểu quyết bằng <u>bỏ phiếu trực tiếp</u>: Khi biểu quyết bằng hình thức <u>điền vào Thẻ biểu quyết</u>, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong <u>Thẻ</u> biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “□” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu <u>gửi</u> Phiếu biểu quyết <u>về thùng</u> phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. <u>Thẻ</u> biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.</p>	<p>vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.</p> <p>b. Biểu quyết bằng <u>bỏ phiếu</u>: Khi biểu quyết bằng hình thức <u>bỏ phiếu</u>, đối với từng nội dung, đại biểu <u>tham dự họp</u> chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong <u>Phiếu</u> biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “O” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn <u>thành</u> tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu <u>bỏ</u> Phiếu biểu quyết <u>vào hòm</u> phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. <u>Phiếu</u> biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.</p>	<p>Điều 16 Quy chế sửa đổi, - Lưu ý: + Thẻ biểu quyết dùng trong trường hợp việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết + Phiếu biểu quyết dùng trong trường hợp việc biểu quyết được tiến hành bằng cách bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu</p>
<p><u>Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử</u></p>	<p><u>Điều 15. Cách thức bỏ phiếu bầu cử</u></p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p>1. Nguyên tắc chung</p>	<p>1. Nguyên tắc chung</p>	<p>Không đổi</p>

<p>- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	<p>- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	
<p>2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử</p> <p>a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu</p> <p>- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;</p> <p>- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;</p> <p>- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);</p> <p>- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;</p> <p>- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên 	<p>2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử</p> <p>a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu</p> <p>- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;</p> <p>- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);</p> <p>- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;</p> <p>- Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên 	<p>- Sửa một số nội dung theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Làm rõ nội dung về Cách ghi phiếu bầu</p> <p>- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại quy chế</p>

trúng cử;

- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện

tối đa có thể trúng cử;

- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên **với số phiếu được chia đều đều cho từng ứng viên được lựa chọn**, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử **thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên** được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất **cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.**
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng **của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát** thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên **có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ**

<p>theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.</p>	<p>công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu. <p>b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 14 Quy chế này.</p>	
<p>Điều 13. Cách thức kiểm phiếu</p>	<p>Điều 16. Cách thức kiểm phiếu</p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p><u>Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử tán thành nghị quyết, sau đó thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.</u></p> <p>Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.</p>	<p>1. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ cao Thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.</p> <p>2. Khi tiến hành biểu quyết/ bầu cử theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết/ bầu cử vào hòm phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về so với số phiếu biểu quyết/ bầu cử phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về. Đối với các nội dung biểu quyết, số phiếu “Tán thành”, “Không</p>	<p>- Bỏ quy định về việc thu Thẻ biểu quyết do đây không phải quy định bắt buộc và trong Đại hội có thể sử dụng một Thẻ biểu quyết cho nhiều nội dung biểu quyết nên việc thu lại Thẻ biểu quyết là không cần thiết. Ngoài ra, lưu ý là nội dung trên Phiếu bầu cử không có các ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “ Không có ý kiến”.</p> <p>- Bổ sung cách thức kiểm Thẻ biểu quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Quy chế hiện hành.</p> <p>- Sửa cách thức kiểm Phiếu biểu quyết/ bầu cử phù hợp với cách thức</p>

	<p>tán thành”, “Không có ý kiến” và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.</p> <p>3. Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.</p>	thực hiện của Doanh nghiệp
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu	Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	- Cập nhật STT
Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	- Điều chỉnh cách diễn đạt
Không có	Điều 18. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	- Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với Điều 147 Luật Doanh nghiệp và phù hợp với quy định tại Điều 22 Quy chế hiện hành
Không có	<p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>b. Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.</p>	
Không có	Điều 19. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	- Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.	- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định

		liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.
Điều 15. Cách thức phản đối <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Cách thức phản đối <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông	- Cập nhật STT - Sử dụng thống nhất thuật ngữ với Luật doanh nghiệp
<p>1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm</p>	<p>1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản b Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty</p>	- Sửa theo Điều 132 Luật Doanh nghiệp

định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	- Bổ sung phạm vi liên quan đến nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:	- Sửa theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	j. Họ, tên , chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	2. Nghị quyết , biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có được áp dụng.	- Sửa theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.	3. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc	- Sửa theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Phụ lục I ban hành

Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	Điều 22. Công bố biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	- Gộp nội dung quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 16 Quy chế hiện hành thành thành quy định riêng tại Điều 22 Quy chế sửa đổi
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <u>hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u>	1. Nghị quyết , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, <u>cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán</u> trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	- Sửa phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, <u>văn bản ủy quyền tham dự họp</u> và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	3. Nghị quyết , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan <u>gửi kèm theo thông báo mời họp</u> phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.	- Sửa theo Khoản 6 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
<u>Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u>	Bỏ	- Bỏ các quy định này do trùng lặp phạm vi quy định tại Điều 19 và Điều

<p><u>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</u></p> <p><u>a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;</u></p> <p><u>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p> <p><u>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</u></p> <p><u>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;</u></p> <p><u>f. Tổ chức lại, giải thể công ty.</u></p> <p><u>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>22 Quy chế sửa đổi</p> <p>- Bỏ các quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 17 Quy chế hiện hành này do trùng lặp phạm vi quy định tại Điều 19 Quy chế sửa đổi</p> <p>- Bỏ các quy định tại Khoản 5 Điều 17 Quy chế hiện hành này do trùng lặp phạm vi quy định tại Điều 22 Quy chế sửa đổi</p>
---	-----------	--

3. Việc bầu thành viên HĐQT/Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương

<p><u>thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều này.</u></p> <p><u>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u></p> <p><u>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></p>		
<p>Không có</p>	<p>Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p>	<p>- Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC về tổ chức ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p>	<p>- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ, quy chế này.</p>
<p>Không có</p>	<p>1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương</p>	

	tự quy định tại Điều 5 Quy chế này.	
Không có	<p>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp được tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 7 và Điều 8 Quy chế này.</p> <p>b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	
Không có	<p>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua</p>	

	<p>hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p>	
Không có	<p>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy</p>	

	định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.	
Không có	5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.	
Không có	6. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu a. Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, "Không tán thành”, “Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên	

	<p>được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết theo cách thức quy định tại Điều 14, Điều 15 Quy chế này. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.</p> <p>c. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.</p>	
Không có	<p>7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 18 Quy chế này.</p> <p>b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	
Không có	<p>8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2</p>	

	và khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.	
Không có	9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.	
Không có	10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 22 Quy chế này.	
	11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.	
Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên	Mục 4. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên	- Cập nhật STT
Điều 18. Báo cáo hoạt động của HDQT tại Đại	Điều 24. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản	- Điều chỉnh tiêu đề

<p>hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	
<p><u>Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</u></p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 158</u> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;</p> <p>c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);</p> <p>d. Hoạt động của <u>Tiểu ban trực thuộc HĐQT (nếu có)</u>;</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;</p> <p>g. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	<p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 163</u> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>f. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>g. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.</p> <p>h. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.</p> <p>i. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	
<p>Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Điều 25. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</u></p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 167</u> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</p> <p>d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</p> <p>e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ</p>	<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên</p>	

<p>đồng.</p>	<p>vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</p>	
<p>Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty</p>	<p>Điều 26. Báo cáo tình hình quản trị công ty</p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p>1. Công ty phải lập Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng <u>và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty</u> theo quy định của pháp luật về chứng khoán <u>và thị trường chứng khoán.</u></p> <p>3. Công ty phải <u>công bố thông tin</u> về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và <u>tại</u> Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật Chứng khoán về</p>	<p>1. Công ty phải lập Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Công ty phải <u>báo cáo</u> về tình hình quản trị công ty tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và <u>công bố thông tin trong</u> Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật Chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>3. Công ty có nghĩa vụ <u>báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty</u> định kỳ sáu (06) tháng theo quy định của pháp luật Chứng khoán về</p>	<p>- Sửa theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>

công bố thông tin.	công bố thông tin.	
<u>II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</u>	Mục 5. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	- Thay Chương II Quy chế hiện hành thành Mục 5 Chương II Quy chế sửa đổi
<u>Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>	Điều 27. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản	- Thay thế quy định tại Điều 21 và Điều 22 Quy chế hiện hành thành quy định tại Điều 27 Quy chế sửa đổi
<u>Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</u> <u>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</u> <u>b. Định hướng phát triển công ty;</u> <u>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> <u>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;</u> <u>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;</u> <u>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> <u>g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> <u>h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</u> <u>i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</u>	Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 18 Quy chế này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.	- Sửa đổi, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế sửa đổi, phù hợp với khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

<p><u>Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản</u></p>		
<p><u>Tổ chức lại, giải thể công ty</u></p>		
<p><u>Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u></p>	<p>Điều 28. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>- Sửa theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>1. <u>HDQT</u> tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HDQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. <u>Nghị quyết HDQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</u></p>	<p>1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Sửa đổi theo khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, và Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).</p>	
<p>2. HDQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HDQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>2. Chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa phù hợp với khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp - Cập nhật, bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ. - Sửa lại lỗi đánh máy - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<p><u>3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến</u></p> <p><u>a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p><u>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;</u></p> <p><u>- Mục đích lấy ý kiến;</u></p>		

<p><u>- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch/ số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;</u></p> <p><u>- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</u></p> <p><u>- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</u></p> <p><u>- Phương án bầu cử (nếu có);</u></p> <p><u>- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</u></p> <p><u>- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p>		
<p>b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức <u>hoặc cá nhân.</u></p>	<p>3. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của:</p> <p>- Cổ đông cá nhân, hoặc</p>	<p>- Gộp nội dung tại điểm b và c Khoản 3 Điều 23 Quy chế hiện hành thành Khoản 3 Điều 28 Quy chế sửa đổi, và</p>

<p><u>người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</u></p>	<p>- - Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, hoặc</p>	<p>trình bày lại cách diễn đạt một số nội dung.</p>
<p><u>c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</u></p> <p><u>- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p><u>- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></p> <p><u>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</u></p>	<p>- - Cá nhân được cổ đông ủy quyền, hoặc</p> <p>- - Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được cổ đông ủy quyền.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.</p>
<p>4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu: HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là <u>người điều hành</u> doanh nghiệp. <u>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p><u>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp:</u></p>	<p>4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Sửa theo khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Bổ sung, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.</p>

<p><u>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</u></p> <p><u>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</u></p> <p><u>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;</u></p> <p><u>e. Các vấn đề đã được thông qua;</u></p> <p><u>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</u></p> <p>Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	
<p><u>5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:</u></p> <p><u>a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày</u></p>	<p><u>6. Công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p><u>Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được</u></p>	<p>- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư 155/2015/TT-BTC, “Công ty đại chúng phải lập trang</p>

<p><u>kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u></p> <p>b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>5. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thông tin điện tử trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày trở thành công ty đại chúng...”. Do đó việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Sửa theo khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><u>6.</u> Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, <u>toàn văn</u> nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>7. Lưu tài liệu</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>- Sửa theo Khoản 7 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><u>Mục 4.</u> Yêu cầu hủy bỏ <u>Quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Mục 6. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Sử dụng thống nhất thuật ngữ “nghị quyết” theo Luật Doanh nghiệp và bổ sung phạm vi quy định tại mục này</p>
<p><u>Điều 24.</u> Yêu cầu hủy bỏ <u>Quyết định</u> của Đại hội</p>	<p>Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng</p>	<p>- Sử dụng thống nhất thuật ngữ “nghị</p>

đồng cổ đông	cổ đông	quyết” theo Luật Doanh nghiệp
<p>a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc,</u> cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u> - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. <p>b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều</p>	<p>quyết” theo Luật Doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa theo Điều 151, khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Điều lệ sửa đổi - Cập nhật dẫn chiếu Luật - Sửa đổi quy định về thời hạn tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ từ 30 ngày lên 60 ngày để đảm bảo đáp ứng các quy định về tổ chức ĐHCĐ theo Luật Doanh nghiệp.

	lệ này.	
Không có	Điều 30. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	- Bổ sung theo Điều 152 Luật Doanh nghiệp
Không có	<p>1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	- Bổ sung theo Điều 152 Luật Doanh nghiệp
CHƯƠNG 3 – <u>HDQT</u> VÀ CUỘC HỌP <u>HDQT</u>	CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	- Thay đổi cách ghi tiêu đề chương - Sửa lại từ ngữ
Mục 1. Quy định chung	Mục 1. Quy định chung	
<u>Điều 25.</u> Thành phần và nhiệm kỳ HDQT	Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng	- Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng

	quản trị	thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<p>1. Số lượng thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>1. Số lượng Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.</p>	- Sửa theo Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
	<p>2. Nhiệm kỳ Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p>	- Bổ sung thêm các nội dung theo Khoản 2 và khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp
<p>2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.</p>	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.</p>	- Bỏ nội dung trùng lặp tại Điều lệ Công ty và bổ sung dẫn chiếu đến quy định đã sửa đổi tại Điều lệ Công ty
<p>3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo</p>	Bỏ	- Bỏ quy định này do nội dung trùng lặp với phạm vi quy định tại Điều 41 Quy chế sửa đổi

<p><u>quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;</u></p> <p><u>b. Có đơn từ chức;</u></p> <p><u>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p><u>d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p><u>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>		
<p><u>4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p>	Bỏ	- Bỏ quy định này do nội dung trùng lặp với phạm vi quy định tại Điều 43 Quy chế sửa đổi
<p>5. Thành viên <u>HĐQT</u> có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.	- Không thay đổi Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<p><u>Điều 26. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT</u></p>	<p><u>Điều 33. Quyền và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị</u></p>	- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”

<p>1. Thành viên HDQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật dẫn chiếu Luật - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<p>2. Thành viên HDQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</p> <p>b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HDQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HDQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;</p> <p>d. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thành viên HDQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</p> <p>b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;</p> <p>d. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>e. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung điểm e tham chiếu điểm d khoản 2 Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP - Bổ sung Điểm f tham chiếu khoản 3 Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP - Bổ sung Điểm g tham chiếu Khoản 5 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP - Bổ sung Điểm h dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”

hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;

f. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

g. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

h. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại

	<p>Điều 45 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<u>Điều 27. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HDQT</u>	Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	- Thay đổi tiêu đề
<p><u>HDQT</u> phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, <u>ngoài ra HDQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty; 2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty; 3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty; 4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; 5. Báo cáo hoạt động của <u>HDQT</u> tại Đại hội đồng 	<p>Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, và các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty; 2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty; 3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty; 4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; 5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại 	<p>- Bổ sung thêm nội dung từ khoản 7 đến 13 Điều 32 Quy chế sửa đổi: + Bổ sung Khoản 7,8,9 tham chiếu Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP + Khoản 10,11,13 bổ sung làm rõ cho phạm vi quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 27 Điều lệ sửa đổi + Khoản 12 tham chiếu Điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp - Cập nhật dẫn chiếu Luật - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>

cổ đông theo quy định tại **Điều 18 Quy chế này**;
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

hội đồng cổ đông theo quy định tại **Điều 24 Quy chế này**;

6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

7. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

8. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

9. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.

10. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty.

11. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao

	<p>dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm v khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty</p> <p>12. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>13. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm v khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.</p>	
Không có	Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội	- Bổ sung các quy định theo Điều 156

	đồng quản trị	Luật Doanh nghiệp
Không có	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, và các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
Không có	Điều 35. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	- Bổ sung quy định làm rõ cho quy định tại Khoản 5 Điều 27 Điều lệ Công ty
Không có	Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện	

	<p>nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.</p> <p>b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.</p> <p>c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.</p> <p>d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu cử, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT	Mục 2. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
Điều 28. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT	Điều 36. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị	- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<p>1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. <u>Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh</u></p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể như sau:</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu Luật</p> <p>- Sửa theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>

<p><u>nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.</u></p> <p><u>c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.</u></p>	<p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại không quá năm (05) công ty khác.</p>	
<p>2. Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p> <p>c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p>	<p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của</p>	<p>- Sửa theo khoản 2 và khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Sử dụng thống nhất cách ghi số người, ngày tháng.</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>

<p>d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</p> <p>e. Không phải là người đã từng làm thành viên HDQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.</p>	<p>công ty;</p> <p>d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</p> <p>e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.</p> <p>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	
<p>Không có</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều</p>	<p>- Bổ sung theo Khoản 56 Điều 3 Nghị</p>

	hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	định số 155/2020/NĐ-CP
<u>3. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 25 Quy chế này.</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Điều 31 Quy chế sửa đổi
<u>4. Thành viên HĐQT của công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 36 Quy chế sửa đổi
Không có	4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị: a. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch; b. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.	- Bổ sung quy định về tiêu chuẩn của chủ tịch Hội đồng quản trị phù hợp với Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 2 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
<u>Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</u>	Điều 37. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	- Sửa lại tiêu đề - Cập nhật STT
<u>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ</u>	1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên	- Sửa theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-

<p>5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử (05) ứng viên.</p>	<p>Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. 	<p>BTC</p> <p>- Lưu ý: Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ tiêu chí về thời gian nắm giữ cổ phần liên tục của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong điều kiện tham gia đề cử, ứng cử</p>
<p>2. Trường hợp số lượng ứng viên HDQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết,</p>	<p>2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại</p>	<p>- Cập nhật các dẫn chiếu - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng</p>

<p>HDQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 34 Quy chế này. Thủ tục HDQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HDQT thực hiện theo quy định tại Điều 34 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.</p>	<p>Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 38 Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 38 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
<p>Điều 34. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HDQT</p>	<p>Điều 38. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>- Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
<p>1. HDQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Quy chế này triệu tập cuộc họp HDQT về việc bầu cử thành viên HDQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 29 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HDQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu</p>	<p>1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Quy chế này triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 37 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương III Quy chế này trong đó ghi rõ lý do</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại quy chế và bổ sung một số nội dung làm rõ</p>

<p>cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...</p> <p>3. HDQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HDQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Trường hợp số lượng ứng viên HDQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HDQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này; - Ứng viên do HDQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HDQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua; - Ứng viên do HDQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp. 	<p>bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 36 Quy chế này và các tiêu chí khác tại thông báo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này; - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua; - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 36 Quy chế này. 	
<p>Điều 30. Công bố thông tin ứng viên tham gia</p>	<p>Điều 39. Công bố thông tin ứng viên tham gia</p>	<p>- Thay thế chữ viết tắt bằng thuật ngữ</p>

bầu TV HĐQT	bầu thành viên Hội đồng quản trị	đầy đủ - Cập nhật STT
<p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p><u>b. Trình độ học vấn;</u></p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p><u>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u></p> <p><u>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho</u></p>	<p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ chuyên môn;</p> <p>c. Quá trình công tác;</p> <p><u>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</u></p> <p><u>e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</u></p> <p><u>f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang</u></p>	<p>- Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

<p><u>Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</u></p> <p><u>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u></p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p>nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);</p> <p>g Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>h. Các thông tin khác (nếu có).</p>	
<p><u>Điều 31. Cách thức bầu thành viên HĐQT</u></p>	<p>Điều 40. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
<p><u>Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Quy chế này.</u></p>	<p>Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu</p>
<p><u>Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</u></p>	<p>Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>- Sửa đổi tiêu đề</p> <p>- Cập nhật STT</p>
<p>1. Thành viên <u>HĐQT</u> bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p><u>c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 Quy chế này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>- Sửa theo Khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 27 Điều lệ sửa đổi</p>

<p><u>2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>- Sửa theo Khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Không có</p>	<p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>	<p>- Bổ sung theo Khoản 3 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Không có</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.</p> <p>- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công</p>	<p>- Bổ sung theo khoản 2 Điều 140 và khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);</p> <p>Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	
Không có	Điều 42. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.	- Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này được tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Quy chế này.	- Bổ sung theo Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
Không có	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	- Bổ sung theo khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi	Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi	- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng

nhiệm thành viên <u>HDQT</u>	nhiệm thành viên <u>Hội đồng quản trị</u>	thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị” - Cập nhật STT
Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên <u>HDQT</u> , Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.	Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị , Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán , trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.	- Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ sửa đổi và điều chỉnh một số nội dung về các kênh CBTT - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<u>Mục 3 – Quy định về cuộc họp HDQT</u>	Mục 3. Quy định về cuộc họp <u>Hội đồng quản trị</u>	- Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<u>Điều 35. Cuộc họp <u>HDQT</u></u>	<u>Điều 44. Cuộc họp <u>Hội đồng quản trị</u></u>	- Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<u>1. Quy định chung về cuộc họp HDQT</u> <u>a. HDQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 36 Quy chế này. Việc tổ chức họp HDQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên</u>	Bỏ	- Bỏ các quy định này do: + Quy định tại điểm a, b trùng lặp với nội dung đã quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 44 và Điều 45 Quy chế sửa đổi + Quy định tại điểm c không thuộc

<p><u>HDQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>b. Biên bản họp HDQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HDQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>c. Hàng năm, HDQT yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HDQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u></p>		<p>phạm vi quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị</p>
<p><u>2. Quy định về cuộc họp đầu tiên</u></p> <p><u>Trường hợp HDQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HDQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HDQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HDQT nhiệm kỳ đó.</u> Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp <u>HDQT.</u></p>	<p>1. Quy định về cuộc họp đầu tiên</p> <p>Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.</p> <p>Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Sửa theo Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><u>3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường</u></p>	<p>2. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường</p>	<p>- Sửa điểm a, b, c Khoản 3 Điều 35</p>

<p>a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất <u>năm (05) ngày làm việc</u> trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>b. Chủ tịch <u>HĐQT</u> phải triệu tập họp <u>HĐQT</u>, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác; - Thành viên độc lập <u>HĐQT</u>; - Ít nhất hai (02) thành viên <u>HĐQT</u>; - <u>Các trường hợp khác (nếu có).</u> <p>c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại <u>Điểm b, khoản 3 Điều này.</u> Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại <u>Điểm b.</u></p>	<p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác; - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; - Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b Khoản này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ</p>	<p>Quy chế hiện hành theo Khoản 6, Khoản 3 và Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật các dẫn chiếu - Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
--	---	--

<p><u>Khoản này</u> có quyền triệu tập họp HĐQT.</p> <p>d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b Khoản này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	
<p>Điều 36. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT</p>	<p>Điều 45. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p>	<p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
<p>1. Thông báo họp HĐQT (<u>gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp</u>):</p> <p><u>a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần</u></p>	<p>1. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p><u>Việc thông báo họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 30 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>- Dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.</p>

<p><u>thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u></p> <p><u>b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</u></p>		
<p><u>c.</u> Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;</p>	<p>2. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>- Tách quy định này thành một khoản riêng, nội dung theo hướng dẫn tại điểm d khoản 4 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
<p><u>d.</u> Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.</p>	<p>3. Địa điểm họp</p> <p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Tách quy định này thành một khoản riêng</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
<p><u>e.</u> Các hình thức họp khác: <u>Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình</u></p>	<p>4. Các hình thức tham dự họp Hội đồng quản trị Các hình thức tham dự họp Hội đồng quản trị</p>	<p>- Dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ.</p>

<p><u>thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></p> <p><u>- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u></p> <p><u>- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u></p> <p><u>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</u></p>	<p>thực hiện theo quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.</p>
<p>Không có</p>	<p>5. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>- Bổ sung theo Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>

<p><u>2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>- Bỏ quy định này do trùng lặp với phạm vi quy định tại khoản 4 Điều 45 Quy chế sửa đổi</p>
<p><u>Điều kiện tổ chức họp HĐQT:</u></p> <p><u>a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</u></p> <p><u>b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;</u></p> <p><u>c. Thành viên HĐQT chỉ được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</u></p>	<p>6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:</p> <p>Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 9 Điều 30 Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Tách quy định này thành một khoản riêng</p> <p>- Dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ. Không lặp lại nội dung đã quy định tại Điều lệ.</p>
<p><u>3. Cách thức biểu quyết:</u></p> <p>a. Trừ quy định tại <u>Khoản 2 điều này</u>, mỗi thành viên <u>HĐQT</u> hoặc người được ủy quyền theo quy</p>	<p>7. Cách thức biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại <u>điểm b khoản này</u>, mỗi thành viên <u>Hội đồng quản trị</u> hoặc người được ủy quyền</p>	<p>- Cập nhật và bổ sung các dẫn chiếu</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>

định tại **Khoản 2 Điều này** trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp **HDQT** có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên **HDQT** không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên **HDQT** không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp **HDQT** về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại **Khoản d Khoản 3 Điều này**, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên **HDQT** mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên **HDQT** liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên **HDQT** hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên **HDQT** trực tiếp hoặc gián tiếp được

theo quy định tại **khoản 9 Điều 30 Điều lệ Công ty** trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp

Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên **Hội đồng quản trị** không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên **Hội đồng quản trị** không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp **Hội đồng quản trị** về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại **điểm d khoản này**, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên **Hội đồng quản trị** mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên **Hội đồng quản trị** liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên **Hội đồng quản trị** hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm **a và điểm b khoản 6 Điều 40** Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

<p>hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HDQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HDQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HDQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>f. Thành viên HDQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HDQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	<p>e. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>f. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	
<p>4. Cách thức thông qua nghị quyết của HDQT:</p>	<p>8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng</p>	<p>- Bổ sung điểm a, d Khoản 8 Điều 45</p>

<p>a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>quản trị</p> <p>a. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>b. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>d. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt</p>	<p>Quy chế sửa đổi theo Khoản 3, Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
--	--	---

	<p>hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	
<p>5. Ghi biên bản họp <u>HDQT</u>:</p> <p>a. Các cuộc họp của HDQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Thời gian, địa điểm họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; - Các vấn đề đã được thông qua; 	<p>9. Ghi biên bản họp <u>Hội đồng quản trị</u></p> <p>a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Thời gian, địa điểm họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp. - Bổ sung các dẫn chiếu - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”

<p>- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HDQT.</p> <p>b. Biên bản họp HDQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;</p> <p>c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;</p> <p><u>d. Chủ tịch HDQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HDQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.</u></p>	<p>thông qua tương ứng;</p> <p>- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.</p> <p>b. Chủ tọa và người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;</p> <p>d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;</p>	
<p>Không có</p>	<p>10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a</p>	<p>- Bổ sung theo Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp</p>

	khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.	
6. Thông báo nghị quyết HDQT . Sau khi ban hành Nghị quyết HDQT , Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.	11. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị , Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	- Sửa đổi nội dung khoản 7 để bao quát các nghĩa vụ CBTT của Doanh nghiệp - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
CHƯƠNG 5 – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HDQT	Mục 4. Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	- Điều chỉnh từ Chương 5 Quy chế hiện hành thành mục 4 thuộc Chương III Quy chế sửa đổi
Điều 48. Các tiểu ban trực thuộc HDQT	Điều 46. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	- Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
Điều 49. Tiểu ban Chính sách phát triển	Điều 47. Tiểu ban Chính sách phát triển	- Cập nhật STT
Điều 50. Tiểu ban Nhân sự	Điều 48. Tiểu ban Nhân sự	- Cập nhật STT
Điều 51. Tiểu ban Lương thưởng	Điều 49. Tiểu ban Lương thưởng	- Cập nhật STT
Điều 52. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	Điều 50. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	- Cập nhật STT
CHƯƠNG 9. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ	Mục 5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	- Điều chỉnh từ Chương 9 Quy chế hiện hành thành mục 5 thuộc Chương

CÔNG TY		III Quy chế sửa đổi
Điều 69. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty	Điều 51. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty	- Cập nhật STT
Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HDQT .	Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị .	- Điều chỉnh thuật ngữ “công ty kiểm toán độc lập” thành “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” theo Luật chứng khoán - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
Điều 70. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	Điều 52. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	- Cập nhật STT
1. HDQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HDQT quyết định, tối đa là năm (05) năm . Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thêm 01 Thư ký công ty để hỗ	1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thêm một (01) Thư ký công ty	- Sửa nội dung về nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị công ty để tránh phải bầu thay thế nhiều do Luật Doanh nghiệp không có quy định bắt buộc và trên thực tế đối tượng này thường làm việc lâu dài. - Cập nhật các dẫn chiếu - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”

<p>trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định tại <u>khoản 5 Điều 152</u> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định tại <u>khoản 5 Điều 156</u> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	
<p><u>Điều 71. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty</u></p>	<p><u>Điều 53. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty</u></p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p><u>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p><u>a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u></p> <p><u>b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u></p> <p><u>d. Tham dự các cuộc họp;</u></p> <p><u>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;</u></p> <p><u>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;</u></p> <p><u>g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;</u></p> <p><u>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u></p>	<p><u>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều 32 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Bỏ nội dung trùng lặp tại Điều lệ Công ty và bổ sung dẫn chiếu đến quy định đã sửa đổi tại Điều lệ Công ty</p>

<u>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u>		
<u>Điều 72.</u> Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	<u>Điều 54.</u> Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	- Cập nhật STT
<p>1. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều 51 Quy chế này</u>; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Không hoàn thành các công việc được giao; - Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. <p>2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.</p>	<p>- Bổ sung nội dung về các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
<u>Điều 73.</u> Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	<u>Điều 55.</u> Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	- Cập nhật STT
Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty <u>và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty</u>	Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	- Sửa đổi nội dung về công bố thông tin đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành

<u>theo trình tự và quy định của luật hiện hành.</u>		
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	- Thay đổi cách ghi tiêu đề chương
Mục 1. Quy định chung	Mục 1. Quy định chung	
<u>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</u>	<u>Điều 56. Thành phần và nhiệm kỳ Ban Kiểm soát</u>	- Thay đổi tiêu đề phù hợp với nội dung quy định chi tiết - Cập nhật STT
1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Trường hợp Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</u>	1. Số lượng Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên.	- Tách Khoản 1 Điều 37 Quy chế hiện hành thành Khoản 1 và Khoản 2 Điều 56 Quy chế sửa đổi. - Sử dụng thống nhất cách ghi số người, ngày tháng
	2. Nhiệm kỳ Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	- Sửa theo Khoản 3 Điều 168 Luật Doanh nghiệp
2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên</u>	3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.	- Sửa theo Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên: + Bỏ nội dung về điều kiện và tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát do

<p><u>trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p> <p><u>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.</u></p>		<p>trùng lặp với quy định tại Khoản 2 Điều 59 Quy chế sửa đổi</p> <p>+ Bổ nội dung về quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát do trùng lặp với quy định tại Khoản 3 Điều 58 Quy chế sửa đổi.</p>
<p>Không có</p>	<p>4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.</p>	<p>- Bổ sung theo Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><u>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</u></p>	<p>Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p>1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</p>	<p>1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</p>	<p>Không đổi</p>
<p>2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. <u>Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt</u></p>	<p>2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Và các trách nhiệm sau:</p>	<p>- Sửa theo Khoản 2, 3, 5, 6 Điều 173 Luật Doanh nghiệp</p>

<p><u>đồng và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	<p>- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.</p> <p>- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>- Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p> <p>Trường hợp vi phạm quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.</p>	
<p>Không có</p>	<p>3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm tại khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Bổ sung nội dung về quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại</p>

		Điều lệ
<u>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u>	<u>Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u>	- Cập nhật STT
Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:	Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 38 Điều lệ Công ty</u> , và các quyền và nghĩa vụ sau:	- Thay đổi dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty và bỏ các quy định tại Khoản 1,2,3,4,5 Điều 39 Quy chế hiện hành do đã được quy định tại Điều 38 Điều lệ sửa đổi
<u>1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</u>	<u>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</u>	- Bỏ sung các quy định tại Khoản 1 đến khoản 11 theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp
<u>2. Chiu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</u>	<u>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</u>	- Bỏ sung khoản 12 theo Khoản 2 Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
<u>3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;</u>	<u>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</u>	
<u>4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u>		
<u>5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy</u>		

định tại Điều 19 Quy chế này.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội

đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của

	Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên	Mục 2. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên	- Sửa tiêu đề
Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	- Sửa theo cách viết tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp
<p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó. 	<p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; - Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; - Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; - Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính 	<p>- Cập nhật dẫn chiếu Luật và bổ sung quy định chi tiết theo Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>của công ty;</p> <p>- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	
<p><u>2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</u></p>	Bỏ	- Bỏ do Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 thay thế Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014 đã bỏ nội dung quy định này
<p><u>3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u></p>	<p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Trưởng ban kiểm soát</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	- Sửa theo Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp
<p><u>Điều 41. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</u></p>	<p>Điều 60. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>- Sửa lại tiêu đề</p> <p>- Cập nhật STT</p>
<p><u>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;</u></p>	<p>1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử, ứng cử Kiểm soát viên thực hiện tương tự quy định đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị tại Khoản 1 Điều 37 Quy chế này.</p>	- Quy định tương tự như việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

<p><u>từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử (05) ứng viên trở lên.</u></p>		
<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 46 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 46 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.</p>	<p>2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 61 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 61 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu</p>
<p><u>Điều 46. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát</u></p>	<p><u>Điều 61. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát</u></p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p>1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 41 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 60 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu và bổ sung, làm rõ một số nội dung - Thay thế chữ viết tắt “BKS” bằng thuật ngữ đầy đủ “Ban kiểm soát”</p>

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử **...**

3. **Công ty** tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên **BKS** thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, **BKS** sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do **BKS** giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

Ứng viên do **BKS** giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại **Điều 164**

Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo **Chương IV** Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử **và các thông tin khác (nếu có).**

3. **Ban kiểm soát** tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên **Ban kiểm soát** thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, **Ban kiểm soát** sẽ chuẩn bị danh sách **giới thiệu** ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên **được giới thiệu** là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;

- Ứng viên do **Ban kiểm soát** giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại

	Điều 59 Quy chế này.	
Điều 42. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên	Điều 62. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên	- Cập nhật STT
<u>Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 30 Quy chế này.</u>	Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, việc công bố thông tin ứng viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự quy định tại Điều 39 Quy chế này.	- Sửa đổi, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế sửa đổi.
Điều 43. Cách thức bầu Kiểm soát viên	Điều 63. Cách thức bầu Kiểm soát viên	- Cập nhật STT
Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại <u>Khoản 3 Điều 17 Quy chế này.</u>	Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.	- Cập nhật dẫn chiếu
Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên	- Thay đổi tiêu đề phù hợp với nội dung quy định chi tiết - Cập nhật STT
1. <u>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm</u> trong <u>các</u> trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Luật Doanh nghiệp</u> ; <u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</u> ; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.	1. <u>Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên</u> trong trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Khoản 1 Điều 59 Quy chế này</u> ; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.	- Sửa theo Khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp

<p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d. Trường hợp khác theo ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Sửa theo Khoản 2 Điều 174 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Không có</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.</p>	<p>- Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 45. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 65. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p>	<p>- Cập nhật STT</p>

<p><u>Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.</u></p>	<p>Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.</p>	<p>- Sửa tương tự quy định về việc CBTT về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 66. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</p>	<p>- Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm g khoản 2 Điều 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Không có</p>	<p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p><u>Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát</u></p>	<p>Mục 3. Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát</p>	
<p><u>Điều 47. Cuộc họp Ban kiểm soát</u></p>	<p>Điều 67. Cuộc họp Ban kiểm soát</p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p><u>1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát.</u> Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được</p>	<p>1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Ban kiểm soát quy định về cuộc họp của</p>	<p>- Sửa phù hợp với Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	Ban kiểm soát tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty.	
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.	2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị , Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	- Thay đổi số thứ tự chương và cách ghi tiêu đề chương
Không có	Điều 68. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc và những người điều hành khác	
Không có	1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	- Bổ sung theo Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp
Không có	2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty.	- Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ sửa đổi
Bổ sung	3. Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại	- Sửa tương tự Khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

	khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì những người điều hành nêu trên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.	
Điều 53. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	Điều 69. Các tiêu chuẩn, điều kiện của người điều hành doanh nghiệp	- Thay đổi tiêu đề phù hợp với nội dung quy định chi tiết
1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.	1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.	- Cập nhật dẫn chiếu Luật
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.	2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.	- Cập nhật dẫn chiếu Luật

<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19 Nghị định 174/2016/NĐ-CP;</p> <p>b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;</p> <p>d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;</p> <p>e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;</p> <p>f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.</p> <p>g. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.</p>	<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19 Nghị định 174/2016/NĐ-CP;</p> <p>b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;</p> <p>d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;</p> <p>e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;</p> <p>f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.</p> <p>g. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Không đổi</p>
<p>Điều 54. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 70. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p>1. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc:</p> <p>a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HDQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương</p>	<p>1. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc:</p> <p>a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao,</p>	<p>- Sửa theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được <u>tái bổ nhiệm</u>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p>2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:</p> <p>a. <u>HDQT</u> Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và <u>quy chế quản lý của Công ty do HDQT quy định</u>. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>b. Nhiệm kỳ của Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty là năm (05) năm <u>và phải đáp ứng các tiêu</u></p>	<p>2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:</p> <p>a. Hội đồng quản trị Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và các quy chế quản trị của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành. Người điều hành doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty và phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	<p>- Điều chỉnh lại nội dung tại Điểm a và điểm b phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp</p> <p>- Bỏ quy định tại điểm c do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều 74 Quy chế sửa đổi</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>

<p><u>chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>c. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</u></p>	<p>b. Nhiệm kỳ của Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	
<p>3. Nhiệm kỳ giữ chức vụ Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty <u>là 05 (năm) năm chỉ áp dụng đối với</u> trường hợp nhân sự được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại sau khi <u>Quy chế quản trị nội bộ công ty (sửa đổi)</u> có hiệu lực thi hành.</p>	<p>3. Nhiệm kỳ giữ chức vụ Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bắt đầu được áp dụng đối với trường hợp nhân sự được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại sau khi Quy chế nội bộ về Quản trị công ty (sửa đổi) có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm Quy chế nội bộ về Quản trị công ty bắt đầu có hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Quy chế này, mà những thành viên nắm giữ các chức vụ kể trên chưa kết thúc nhiệm kỳ đương nhiệm thì các thành viên đó tiếp tục nắm giữ các chức vụ cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ đó và có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ do Luật Doanh nghiệp không quy định bắt buộc - Sử dụng thống nhất thuật ngữ “Quy chế nội bộ về Quản trị công ty” thay thế cho “Quy chế quản trị nội bộ công ty” - Sửa đổi và bổ sung một số nội dung làm rõ
<p><u>Điều 55.</u> Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p>	<p><u>Điều 71.</u> Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>- Cập nhật STT</p>

<p>Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định của pháp luật về Điều lệ Công ty. Một thành viên HDQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>HDQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.</p>	<p>Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>Hội đồng quản trị có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh cách viết - Thay thế chữ viết tắt “HDQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”
<p><u>Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</u></p>	<p><u>Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật STT
<p><u>1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 53 Quy chế này;</u></p> <p><u>2. Có đơn xin nghỉ việc;</u></p> <p><u>Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 69 Quy chế này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
<p>Không có</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 35 Điều lệ sửa đổi

	quyết định hợp tác thành và bổ nhiệm người điều hành mới thay thế.	
Điều 57. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	Điều 73. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	- Cập nhật STT
Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.	Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.	- Sửa tương tự quy định về việc CBTT về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên
Không có	Điều 74. Tiền lương và lợi ích khác của người điều hành	- Bổ sung theo hướng dẫn tại Điều 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	1. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	- Bổ sung theo Khoản 2 Điều 34 Điều lệ sửa đổi

Không có	2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	- Bổ sung theo Khoản 1 Điều 35 Điều lệ sửa đổi
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	- Thay đổi cách ghi tiêu đề chương
Không có	Điều 75. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	- Bổ sung quy định tại Khoản 1, 2, 8, 9 Điều 75 Quy chế sửa đổi
Không có	1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát. 2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị. Thủ tục, trình tự triệu	- Bổ sung quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13 Điều 75 Quy chế sửa đổi để thay thế cho quy định tại Điều 58, Điều 59, điểm a Khoản 1 Điều 61, Khoản 1 Điều 65 Quy chế hiện hành

tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này.

4. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị cũng như các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị kèm theo biên bản họp sẽ được cung cấp cho Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt

vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Khi xét thấy cần thiết và các vấn đề cần thảo luận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
Đề nghị phải được lập bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và vấn đề cần thảo luận.

6. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

7. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

8. Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

11. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

12. Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

	13. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.	
Không có	Điều 76. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc	- Bổ sung quy định tại Khoản 1, 2, 3, 10 Điều 76 Quy chế sửa đổi
Không có	<p>1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Nghị quyết Hội đồng quản trị có các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc sau khi được ban hành</p>	- Bổ sung quy định tại Khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 76 Quy chế sửa đổi để thay thế cho quy định tại Điều 60, điểm b Khoản 1 Điều 61, Khoản 2 Điều 61, Điều 62, Điều 63, Khoản 1 Điều 64, Khoản 3 Điều 65 Quy chế hiện hành

phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Đề nghị phải được lập bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và vấn đề cần thảo luận.

5. Tổng giám đốc có thể đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và các vấn đề cần thảo luận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

6. Các vấn đề Tổng giám đốc cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy định tại Quy chế này và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ

nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Các nội dung khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

7. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản

	<p>trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</p> <p>a. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;</p> <p>d. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;</p> <p>e. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;</p> <p>f. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị</p> <p>a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao</p>	
--	--	--

hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua;

c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp;

d. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy

định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

e. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày dự định nhận được phản hồi của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được nội dung cần xin ý kiến

9. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại khoản 7 Điều này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc.

	<p>10. Trong các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.</p>	
Không có	Điều 77. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc	- Bổ sung quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 77 Quy chế sửa đổi
Không có	<p>1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp với những người điều hành khác hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.</p> <p>2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.</p> <p>4. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương</p>	- Bổ sung quy định tại Khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 77 Quy chế sửa đổi để thay thế cho quy định tại Khoản 2 Điều 64, Khoản 2 Điều 65 Quy chế hiện hành

thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

6. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát trao đổi thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

7. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ. Ban điều hành

	<p>chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất, đồng thời có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>8. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>9. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.</p>	
<u>Điều 58. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm

<u>mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc</u>		vi quy định tại Khoản 3 Điều 75 Quy chế sửa đổi
<u>Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 36 Quy chế này.</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 3 Điều 75 Quy chế sửa đổi
<u>Điều 59. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 4 Điều 75 Quy chế sửa đổi
<u>Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 4 Điều 75 Quy chế sửa đổi
<u>Điều 60. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng giám đốc</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 4 Điều 76 Quy chế sửa đổi
<u>Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 4 Điều 76 Quy chế sửa đổi
<u>Điều 61. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban</u>	Bỏ	- Bỏ quy định này do trùng với phạm

<p><u>kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT</u></p>		<p>vi quy định tại Khoản 5 Điều 75, Khoản 5 Điều 76 Quy chế sửa đổi</p>
<p><u>1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT</u></p> <p><u>a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;</u></p> <p><u>b. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty không được thực thi;</u></p> <p><u>- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>- Bỏ quy định tại điểm a khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 5 Điều 75 Quy chế sửa đổi</p> <p>- Bỏ quy định tại điểm b khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 5 Điều 76 Quy chế sửa đổi</p>

<p><u>hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;</u></p>		
<p><u>2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:</u></p> <p><u>a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u></p> <p><u>b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</u></p> <p><u>c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;</u></p> <p><u>d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</u></p> <p><u>e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 6 Điều 76 Quy chế sửa đổi</p>

<p><u>f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</u></p> <p><u>g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p><u>h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.</u></p>		
<p><u>Điều 62. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</u></p>	Bỏ	- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 7 Điều 76 Quy chế sửa đổi
<p><u>1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p><u>2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;</u></p>	Bỏ	- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 7 Điều 76 Quy chế sửa đổi

<p><u>3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;</u></p> <p><u>4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, công đồng, người lao động;</u></p> <p><u>5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;</u></p> <p><u>6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.</u></p>		
<p><u>Điều 63. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc</u></p>	Bỏ	- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 9 Điều 76 Quy chế sửa đổi
<p><u>Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 57 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng giám đốc.</u></p>	Bỏ	- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 9 Điều 76 Quy chế sửa đổi
<p><u>Điều 64. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS</u></p>	Bỏ	- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 8 Điều 76 Quy chế sửa đổi
<p><u>1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT</u></p>	Bỏ	- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 8

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng giám đốc trình để HĐQT thông qua;

c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp;

d. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại

Điều 76 Quy chế sửa đổi

<p><u>Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;</u></p> <p><u>e. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</u></p>		
<p><u>2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS</u></p> <p><u>a. Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</u></p> <p><u>b. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</u></p> <p><u>c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Khoản 4 và Khoản 7 Điều 77 Quy chế sửa đổi</p>

<p><u>cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</u></p>		
<p><u>Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên</u></p>	Bỏ	
<p><u>1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:</u></p> <p><u>a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;</u></p> <p><u>c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc)</u></p>	Bỏ	- Bỏ quy định tại điểm a, b, c, d, e, f, g khoản này do trùng với phạm vi quy định lần lượt tại Khoản 6, 7, 10, 13, 11, 12 Điều 75 Quy chế sửa đổi

gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải

<p><u>gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;</u></p> <p><u>g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</u></p>		
<p><u>2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.</u></p> <p><u>a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;</u></p> <p><u>b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>- Bỏ quy định tại điểm a, b, d, e, f, khoản này do trùng với phạm vi quy định lần lượt tại Khoản 5, 6, 7, 8, 9 Điều 77 Quy chế sửa đổi</p> <p>- Bỏ quy định tại điểm c khoản này do theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty thì Ban kiểm soát chỉ có trách nhiệm thông báo tới Hội đồng quản trị</p>

điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa

<p><u>đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.</u></p>		
<p><u>3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và HĐQT: Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.</u></p> <p><u>a. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu</u></p> <p><u>b. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 61 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>- Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định lần lượt tại điểm f Khoản 8 Điều 76 Quy chế sửa đổi</p>
<p><u>CHƯƠNG 8 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC</u></p>	<p><u>CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC</u></p>	<p>- Thay đổi số thứ tự chương và cách ghi tiêu đề chương</p> <p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>

<p>Điều 66. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác</p>	<p>Điều 78. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác</p>	<p>- Thay thế chữ viết tắt “HĐQT” bằng thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị”</p>
<p>1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác.</p> <p>2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....</p> <p>3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.</p> <p>4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.</p> <p>5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác.</p> <p>2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....</p> <p>3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p>	<p>- Sửa Khoản 4 Điều 66 Quy chế hiện hành phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp</p>

<p>khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.</p>	<p>5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.</p>	
<p>Điều 67. Khen thưởng</p>	<p>Điều 79. Khen thưởng</p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p>1. HDQT chỉ đạo xây dựng hệ thống khen thưởng của Công ty. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 66 của Quy chế này.</p> <p>2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HDQT quy định.</p> <p>3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HDQT quyết định. Các hình thức khen thưởng sẽ do HDQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HDQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..</p> <p>5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn</p>	<p>1. Hội đồng quản trị chỉ đạo xây dựng hệ thống khen thưởng của Công ty. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 78 của Quy chế này.</p> <p>2. Đối tượng khen thưởng là các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị quyết định. Các hình thức khen thưởng sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..</p> <p>5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu</p> <p>- Điều chỉnh cách viết, từ ngữ sử dụng</p>

<p>hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HDQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	
<p>Điều 68. Kỷ luật</p>	<p>Điều 80. Kỷ luật</p>	<p>- Cập nhật STT</p>
<p>1. HDQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.</p> <p>2. Thành viên HDQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>3. Thành viên HDQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Không thay đổi</p>

	luật.	
CHƯƠNG 10 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	- Thay đổi số thứ tự chương và cách ghi tiêu đề chương
Điều 74. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	Điều 81. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	- Cập nhật STT
<p>1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty cp Cao su Sao Vàng xem xét và quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.</p>	<p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng thông qua.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.</p>	- Bổ sung việc xây dựng nội dung sửa đổi Quy chế QTNB do HĐQT thực hiện
CHƯƠNG 11 - NGÀY HIỆU LỰC	Bỏ	- Bỏ tiêu đề Chương này
Điều 75. Ngày hiệu lực	Điều 82. Hiệu lực thi hành	- Sửa tiêu đề
<p>1. Quy chế này gồm 11 chương 75 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng năm 2020 nhất trí thông qua ngày 08 tháng 06 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công</p>	<p>1. Quy chế này gồm 9 chương, 82 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng thống nhất thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công</p>	<p>- Cập nhật thông tin áp dụng với Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sửa đổi</p> <p>- Bổ sung quy định về bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</p>

<p>ty CP Cao su Sao Vàng.</p> <p>Các bản sao Quy chế về quản trị công ty có chữ ký của Chủ tịch HĐQT có giá trị như bản chính.</p>	<p>ty CP Cao su Sao Vàng.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	--

Lưu ý:

- Một số điều chỉnh thuật ngữ viết tắt “**HĐQT**”/ “**BKS**” thành thuật ngữ đầy đủ “**Hội đồng quản trị**”/ “**Ban kiểm soát**” có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.
- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.